TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:62/2023/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 26 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2023, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 153/2023/TLST-DS, ngày 18 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: ông **Đặng Văn H**, sinh năm 1952

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1960 đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/4/2023).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp VH, xã HT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: 1/ ông **Bùi Văn L**, sinh năm 1962.

2/ bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ cư trú: ấp VH, xã HT, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới trả ông Đặng Văn H số tiền còn nợ 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đặng Văn H có nghĩa vụ nộp 375.000đ (*Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)* nhưng do ông Đặng Văn H thuộc diện người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/16/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn toàn bộ cho ông H.

Ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ liên đới nộp 375.000đ (*Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)* nhưng do ông Bùi Văn L và bà Nguyễn Thị N thuộc diện người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/16/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn toàn bộ cho ông L và bà N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện TO;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN
Đã ký

Trần Hoàng Phú